



GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng và nhu cầu phát triển bền vững trở nên cấp thiết, đầu tư xanh đã trở thành xu hướng tất yếu đối với Việt Nam. Việc thu hút đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường không chỉ góp phần giảm thiểu khí phát thải nhà kính mà còn đảm bảo tăng trưởng kinh tế lâu dài. Bài viết này phân tích thực trạng và đề xuất một số nhóm giải pháp chủ yếu thúc đẩy đầu tư xanh ở Việt Nam.

Từ khóa: Đầu tư xanh, Việt Nam, biến đổi khí hậu, phát thải nhà kính

SOLUTIONS TO PROMOTE GREEN INVESTMENT IN VIETNAM

Nguyen Thi Cam Van

In the context of increasingly serious climate change and the growing urgency for sustain-able development, green investment has be-come an inevitable trend for Vietnam. Attract-ing investment into environmentally friendly projects not only contributes to reducing greenhouse gas emissions but also ensures long-term economic growth. This article focus-es on analyzing the current situation and pro-poses several key groups of solutions to pro-mote green investment in Vietnam.

Keywords: Green investment, Vietnam, climate change, greenhouse gas emissions

Ngày nhận bài: 17/01/2025

Ngày hoàn thiện biên tập: 06/02/2025

Ngày duyệt đăng: 13/02/2025

Cơ sở lý luận về đầu tư xanh

Khái niệm đầu tư xanh được hiểu khá rộng với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Theo Inderst, G. và cộng sự, 2012, đầu tư xanh là một hình thức đầu tư hướng đến sự phát triển bền vững, đồng thời có mối liên hệ chặt chẽ với các khái niệm khác như đầu tư có trách nhiệm xã hội (SRI), đầu tư ESG (môi trường, xã hội và quản trị), đầu tư bền vững hay đầu tư dài hạn. Những hình thức đầu tư này đều tập trung vào việc tạo ra giá trị kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Một số tổ chức quốc tế cũng đã đưa ra định nghĩa về đầu tư cho tăng trưởng xanh. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đưa ra khái

niệm, đầu tư cho tăng trưởng xanh là các khoản đầu tư có lợi cho môi trường, phát thải các-bon thấp và các dự án tài trợ chủ yếu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, công nghệ môi trường hoặc các thị trường liên quan đến sự bền vững hay biến đổi khí hậu.

World Bank (2010) cho rằng, đầu tư cho tăng trưởng xanh là hoạt động đầu tư vào sản xuất kinh doanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm hay nguyên vật liệu tiết kiệm hoặc thay thế.

Theo Hội đồng phát triển kinh tế khu vực New York (2021), đầu tư cho tăng trưởng xanh là đầu tư vào các dự án xanh, đây là các dự án tạo ra sản phẩm hoặc phát triển công nghệ chủ yếu nhằm giảm phát thải khí nhà kính hoặc hỗ trợ sử dụng năng lượng sạch. Theo đó, dự án xanh là việc sản xuất hoặc phát triển các sản phẩm hoặc công nghệ hoặc các thành phần của chuỗi cung ứng chủ yếu cho các hệ thống năng lượng tái tạo, các phương tiện sử dụng phi nhiên liệu hóa thạch và không hoặc gần như không phát thải.

Nhìn chung, đầu tư xanh được hiểu là hình thức đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp (DN) hoặc công nghệ có tác động tích cực đến môi trường, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Hình thức đầu tư này hướng tới việc tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải và nâng cao hiệu quả môi trường trong các hoạt động kinh tế. Như vậy, đầu tư xanh không chỉ là một xu hướng mà còn là một giải pháp chiến lược, góp phần cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy sự chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và phát triển bền vững trong dài hạn.

**Thực trạng đầu tư xanh ở Việt Nam****Chính sách thu hút đầu tư ở Việt Nam**

Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện thể chế và chính sách ưu đãi nhằm thu hút và quản lý hiệu quả nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước. Các chính sách này tập trung vào ba nhóm chính: ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), ưu đãi thuế xuất nhập khẩu (XNK) và ưu đãi tài chính - đất đai. Hệ thống ưu đãi được thiết kế dựa trên ba tiêu chí chính: địa bàn đầu tư, ngành nghề lĩnh vực đầu tư và quy mô dự án đầu tư.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ năm 1987 đến nay, Việt Nam đã thực hiện 4 giai đoạn cải cách thuế nhằm thúc đẩy đầu tư và đảm bảo nguồn thu bền vững. Giai đoạn cải cách thứ tư, bắt đầu từ năm 2011, phản ánh nỗ lực điều chỉnh chính sách thuế theo xu hướng kinh tế toàn cầu, giảm phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ. Chính sách thuế hiện nay không chỉ đảm bảo nguồn thu ngân sách mà còn tạo động lực phát triển kinh doanh bền vững. Ngoài việc điều chỉnh thuế suất phổ thông, Việt Nam còn áp dụng gói ưu đãi thuế TNDN đối với một số lĩnh vực mũi nhọn, bao gồm mức thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Những chính sách này góp phần thu hút đầu tư, hỗ trợ DN tăng tích lũy và mở rộng sản xuất.

Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu

Cùng với quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã liên tục cải cách thuế XNK để đáp ứng các cam kết quốc tế. Sau khi trở thành thành viên WTO vào năm 2007, Việt Nam thực hiện cắt giảm thuế quan theo lộ trình cam kết với WTO, ASEAN và các đối tác thương mại khác. Những điều chỉnh này giúp DN, đặc biệt là DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm chi phí sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh. Luật Thuế XNK được cập nhật vào các năm 2001, 2005 và 2016 nhằm hoàn thiện chính sách ưu đãi xuất khẩu, đồng thời hỗ trợ các DN trong nước tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Chính sách ưu đãi tập trung vào các nguyên liệu và vật tư chưa sản xuất được trong nước, giúp DN tiết kiệm chi phí đầu vào và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Ưu đãi về tài chính và đất đai

Nhằm hỗ trợ DN và cải thiện môi trường đầu tư, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi tài chính và đất đai. Luật Đất đai 2003 và Luật Đất đai 2013 cùng các nghị định hướng dẫn đã tạo nền tảng pháp lý cho việc thu hút đầu tư vào các khu kinh tế và khu công nghệ cao. Nghị định số

35/2017/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong các khu kinh tế và khu công nghệ cao, cung cấp các ưu đãi vượt trội so với các dự án đầu tư thông thường. Những chính sách này góp phần thu hút nguồn vốn FDI, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN đầu tư vào các lĩnh vực chiến lược.

Bên cạnh việc ban hành các chính sách ưu đãi, Chính phủ Việt Nam còn triển khai các quỹ hỗ trợ tài chính nhằm thúc đẩy đầu tư vào các dự án xanh. Các DN áp dụng mô hình sản xuất tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo hoặc ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường có thể tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Luật Đầu tư năm 2020 đã tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi, khuyến khích mạnh mẽ các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào các lĩnh vực thân thiện với môi trường như năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, cùng với thu gom, xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải.

Nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012, phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2050, đề ra 3 nhiệm vụ cốt lõi: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, xanh hóa sản xuất và xanh hóa lối sống, khuyến khích tiêu dùng bền vững. Tiếp nối định hướng này, Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã đặt ra nhiều mục tiêu nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và thúc đẩy chuyển đổi năng lượng bền vững.

Đặc biệt, Quy hoạch điện VIII được phê duyệt theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023, nhấn mạnh việc chuyển đổi năng lượng công bằng, hướng đến tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo. Theo lộ trình đề ra, Việt Nam đặt mục tiêu nâng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên 30,9 - 39,2% vào năm 2030, đồng thời hướng đến 47% nếu các cam kết từ Tuyên bố JETP (Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng) được thực hiện đầy đủ. Những chính sách và cam kết này khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn vốn xanh từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt



được một số thành tựu trong thu hút đầu tư xanh. Theo Báo cáo triển khai kết luận phiên họp toàn thể lần thứ nhất ban chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh, các hoạt động kinh tế xanh đã đóng góp 6,7 tỷ USD vào năm 2020, chiếm khoảng 2% tổng GDP và đang có sự tăng trưởng nhanh. Đóng góp lớn nhất vào kinh tế xanh đến từ lĩnh vực năng lượng (chiếm 83%), hoạt động nông, lâm nghiệp (chiếm 28%), hoạt động công nghiệp (chiếm 14%) và 17% còn lại đến từ các ngành giao thông vận tải, xử lý chất thải và xây dựng. Tiềm năng đóng góp vào kinh tế xanh của các ngành/lĩnh vực còn rất lớn, hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế đều có thể đóng góp cho tăng trưởng xanh, mặc dù các lĩnh vực đều vô cùng quan trọng để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Về thu hút đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, trong giai đoạn 2015–2022, Việt Nam đã thu hút khoảng 106,8 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, trở thành nền kinh tế đứng thứ hai trong số các quốc gia đang phát triển về thu hút đầu tư vào lĩnh vực này (UNCTAD, 2023). Đây là minh chứng rõ ràng cho sự quan tâm ngày càng lớn của các nhà đầu tư quốc tế đối với tiềm năng phát triển năng lượng sạch tại Việt Nam. Theo số liệu từ Bộ Công Thương, đến cuối năm 2023, tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống đạt khoảng 80.555 MW, tăng khoảng 2.800 MW so với năm 2022. Trong đó, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) 21.664 MW, chiếm 26,9% tổng công suất; Thủy điện (bao gồm thủy điện nhỏ) 22.872 MW, chiếm 28,4%; Nhiệt điện than 26.757 MW, chiếm 33,2%; Nhiệt điện khí 7.160 MW, chiếm 8,9%.

Như vậy, tỷ trọng năng lượng tái tạo (bao gồm điện gió, điện mặt trời và thủy điện) chiếm 55,3% tổng công suất đặt của hệ thống điện quốc gia, khẳng định vai trò quan trọng của nguồn năng lượng sạch trong cơ cấu điện năng. Với quy mô phát triển nhanh chóng và sự mở rộng mạnh mẽ của các dự án năng lượng tái tạo, hệ thống điện Việt Nam hiện đứng đầu khu vực ASEAN về công suất lắp đặt, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo an ninh năng lượng trong dài hạn.

Chính phủ Việt Nam đã triển khai hàng loạt chính sách hỗ trợ tài chính xanh nhằm thúc đẩy đầu tư bền vững, bao gồm phát hành trái phiếu xanh, tín dụng xanh, phát triển thị trường tín chỉ carbon, cũng như áp dụng các ưu đãi thuế và tín dụng dành cho các dự án thân thiện với môi trường. Trong những năm gần đây, tín dụng xanh tại Việt Nam đã

có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Tính đến ngày 30/9/2024, có 50 tổ chức tín dụng ghi nhận phát sinh dư nợ tín dụng xanh, với tổng dư nợ đạt trên 665.000 tỷ đồng, tăng 7,11% so với cuối năm 2023. Điều này phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn của hệ thống tài chính đối với các dự án bền vững và thân thiện với môi trường.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đẩy mạnh phát hành trái phiếu xanh nhằm thu hút nguồn vốn phục vụ phát triển các ngành kinh tế xanh. Trong giai đoạn 2019-2023, Việt Nam đã phát hành khoảng 1,16 tỷ USD trái phiếu xanh, trở thành thị trường phát hành nợ xanh lớn thứ hai trong ASEAN với giá trị 1 tỷ USD, chỉ đứng sau Singapore. Phần lớn các khoản vay và trái phiếu xanh được huy động trong lĩnh vực vận tải và năng lượng, hai ngành có vai trò then chốt trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải thấp. Những bước tiến này cho thấy Việt Nam đang từng bước xây dựng nền tảng tài chính xanh vững chắc, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững và đáp ứng các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính.

Hạn chế, rào cản

Bên cạnh một số kết quả đã đạt được, Việt Nam vẫn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình thu hút đầu tư xanh:

Một là, nhận thức của DN và người dân còn hạn chế. Nhiều DN vẫn ưu tiên lợi ích kinh tế ngắn hạn hơn là đầu tư vào các giải pháp bền vững dài hạn. Điều này phần lớn xuất phát từ việc thiếu thông tin và nhận thức về các lợi ích dài hạn của đầu tư xanh, cũng như sự e ngại về chi phí ban đầu cao khi chuyển đổi sang mô hình sản xuất thân thiện với môi trường.

Hai là, khung pháp lý chưa hoàn thiện. Dù đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư xanh, hệ thống pháp lý của Việt Nam vẫn còn một số bất cập. Các quy định về tiêu chuẩn và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư xanh chưa thực sự đồng bộ, gây khó khăn cho DN trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Ngoài ra, nhiều quy định về đầu tư xanh vẫn còn mang tính nguyên tắc chung chung, thiếu hướng dẫn cụ thể, dẫn đến việc thực thi chưa đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư vẫn còn phức tạp và mất nhiều thời gian, làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư xanh tại Việt Nam.

Ba là, khó khăn trong huy động và phân bổ nguồn vốn. Mặc dù, Việt Nam đã có những chính sách như phát hành trái phiếu xanh và khuyến khích tín dụng xanh, nhưng quy mô thị trường tài chính xanh vẫn



còn khá nhỏ so với nhu cầu thực tế. Các ngân hàng thương mại trong nước còn e ngại khi cấp vốn cho các dự án xanh do rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn dài và thiếu cơ chế bảo lãnh rủi ro từ phía Nhà nước. Ngoài ra, các DN nhỏ và vừa - đối tượng chủ yếu của các dự án đầu tư xanh gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay ưu đãi do yêu cầu về tài sản đảm bảo và năng lực tài chính hạn chế.

Bốn là, hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng. Để thu hút đầu tư xanh, hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường thuận lợi cho các dự án bền vững. Tuy nhiên, tại Việt Nam, hệ thống hạ tầng phục vụ cho phát triển năng lượng tái tạo, giao thông bền vững và công nghệ xử lý môi trường vẫn chưa theo kịp tốc độ tăng trưởng của các dự án xanh. Mạng lưới truyền tải điện còn hạn chế, chưa đáp ứng được sự phát triển mạnh mẽ của các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời. Hệ thống giao thông công cộng còn chậm phát triển, chưa đủ để thay thế các phương tiện cá nhân chạy bằng nhiên liệu hóa thạch. Các khu công nghiệp sinh thái và công trình xây dựng xanh cũng chưa được triển khai rộng rãi do thiếu quy hoạch đồng bộ.

Giải pháp chủ yếu thúc đẩy đầu tư xanh ở Việt Nam

Nhằm khắc phục những hạn chế và thúc đẩy thu hút đầu tư xanh, cần triển khai một số nhóm giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức cộng đồng và DN. Cần tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo, truyền thông chuyên sâu nhằm giúp DN và cộng đồng hiểu rõ hơn về giá trị mà đầu tư xanh mang lại. Qua đó, khuyến khích DN chủ động đổi mới công nghệ, áp dụng các mô hình sản xuất sạch và tăng cường trách nhiệm môi trường.

Hai là, hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ. Hệ thống pháp luật cần được đồng bộ hóa, minh bạch và ổn định để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xanh. Trong đó, cần xác định rõ các tiêu chí ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị), xây dựng các tiêu chuẩn bền vững và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Việc ban hành các chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn, như ưu đãi thuế, tín dụng xanh và bảo lãnh đầu tư, sẽ tạo động lực thúc đẩy DN chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường.

Ba là, phát triển thị trường tài chính xanh. Một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy đầu tư xanh là mở rộng các công cụ tài chính bền vững. Việt Nam cần tăng cường phát hành trái phiếu xanh, mở rộng quỹ đầu tư ESG, đồng thời xây dựng cơ

chế khuyến khích các ngân hàng thương mại cấp vốn ưu đãi cho các DN xanh. Bên cạnh đó, cần thu hút sự tham gia của các tổ chức tài chính quốc tế, thúc đẩy hợp tác với các quỹ đầu tư nước ngoài để tạo nguồn lực tài chính dồi dào hơn cho các dự án xanh.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển hạ tầng xanh. Hạ tầng xanh đóng vai trò nền tảng để thu hút đầu tư bền vững. Do đó, cần tập trung phát triển hệ thống giao thông công cộng hiện đại, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch và phát triển đô thị thông minh; Tập trung nâng cấp hệ thống truyền tải điện nhằm tối ưu hóa khả năng tiếp nhận và phân phối nguồn điện từ các dự án năng lượng tái tạo. Việc hiện đại hóa cơ sở hạ tầng lưới điện theo hướng đồng bộ và thông minh sẽ giúp tối đa hóa hiệu suất vận hành, giảm tình trạng quá tải cục bộ và đảm bảo nguồn điện sạch được khai thác hiệu quả.

Thu hút đầu tư xanh không chỉ là nhiệm vụ quan trọng mà còn là động lực giúp Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng sống cho người dân. Tuy vẫn còn nhiều thách thức, nhưng với các chính sách phù hợp cùng sự hợp tác chặt chẽ giữa Chính phủ, DN và cộng đồng, Việt Nam sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn thu hút đầu tư xanh trong khu vực và trên thế giới, góp phần kiến tạo một nền kinh tế bền vững, thân thiện với môi trường.



Tài liệu tham khảo:

- Quốc hội (2020), Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Bộ Kế hoạch đầu tư, Báo cáo triển khai kết luận phiên họp toàn thể lần thứ nhất ban chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh;
- Anh Tú (2024), Tăng trưởng tín dụng xanh “đuối” dần, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/tang-truong-tin-dung-xanh-duoi-dan-164682-164682.html>;
- Nguyễn Thanh Nga, Vương Duy Lâm, Phạm Tiến Đạt - Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2024), Thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển. Truy cập tại <https://tapchitaichinh.vn/thi-truong-trai-phieu-xanh-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien.html>;
- Inderst, G., Kaminker, Ch., Stewart, F. (2012), “Defining and Measuring Green Investments: Implications for Institutional Investors “Asset Allocations”, OECD Working Papers on Finance, Insurance and Private Pensions, No.24, OECD Publishing.

Thông tin tác giả:

ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân

Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải

Email: van.nguyen190@gmail.com